

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Nhờ nỗ lực của bên mua, VN-Index đã tăng điểm trong phiên sáng để lên giao dịch trong vùng 1,320 – 1,325. Tuy nhiên, đến cuối phiên chiều, lực bán đã xuất hiện và đẩy chỉ số xuống đóng cửa tại mốc 1,317.83 điểm, đi ngang so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 9/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Ô tô & phụ tùng, Dịch vụ tài chính và Công nghệ thông tin tăng tốt nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Áp lực bán khi VN-Index trở về SMA20 khá mạnh, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 02/04/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+0.50** điểm, đóng cửa tại **1317.83** điểm. HNX-Index **+1.71** điểm, đóng cửa tại **238.13** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.64)**, **VCB (+0.61)**, **FPT (+0.53)**, **HPG (+0.39)**, **HVN (+0.32)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.50)**, **MBB (-0.36)**, **SSB (-0.23)**, **GAS (-0.22)**, **LPB (-0.21)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,667** tỷ đồng, tăng **15.45%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,246 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 6.78 điểm. Thị trường có **245** mã tăng, **77** mã tham chiếu, **200** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-709.85** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **TPB (-82.41 tỷ)**, **VNM (-70.13 tỷ)**, **GMD (-69.16 tỷ)**, **FRT (-64.91 tỷ)**, **MSN (-64.38 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-14.18** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.29%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - HSG (+1.75%)** ([Link báo cáo](#))
 - SSI (+1.54%)**
 - FPT (+1.24%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **+0.04%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - GEX (+5.12%)** ([Link báo cáo](#))
 - DPG (+2.31%)**
 - DGW (+1.59%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.29%	0.04%	0.04%	0.00%
1 tuần	-1.31%	-1.38%	-0.62%	-0.33%
1 tháng	-3.24%	-3.47%	0.65%	1.16%
3 tháng	-2.49%	1.59%	3.79%	2.51%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,317.83	238.13	98.64
% 1D	0.04%	0.72%	0.17%
GTGD (tỷ VND)	15,667	772	480
%1D	15.45%	4.56%	2.13%
GDNN (tỷ VND)	-709.85	-14.18	-1170.26

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	87.43	TPB	-82.41
VIX	54.46	VNM	-70.13
VIC	37.36	GMD	-69.16
HPG	36.34	FRT	-64.91
VHM	35.59	MSN	-64.38

Thị trường thế giới

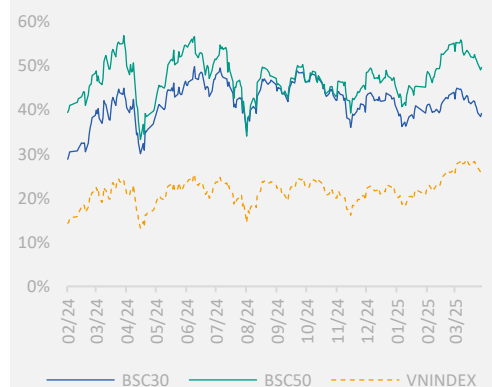
		%D	%W
SPX	5,633	0.38%	-2.49%
FTSE100	8,585	-0.58%	-1.21%
Eurostoxx	5,292	-0.53%	-3.14%
Shanghai	3,350	0.05%	-0.55%
Nikkei	35,726	0.28%	-6.05%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	74.35	-0.18%
Giá vàng	3,129	-0.55%
Tỷ giá		
USD/VND	25,820	0.00%
EUR/VND	28,437	-0.28%
JPY/VND	175	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.0%	0.00%
LS LNH 1M	4.4%	

Nguồn: BSC tổng hợp

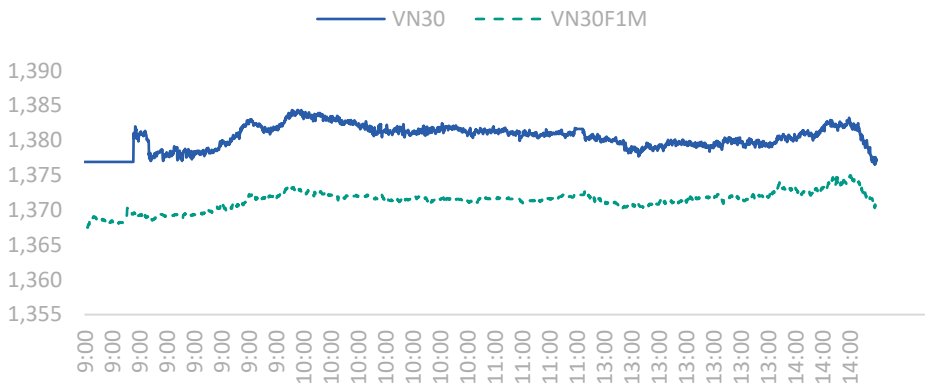
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1371.00	0.23%	39	-35.0%	9/18/2025	169
VN30F2504	1371.60	0.41%	139,222	6.7%	4/17/2025	15
VN30F2505	1371.80	0.50%	413	104.5%	5/15/2025	43
VN30F2506	1369.60	0.18%	14	-58.8%	6/19/2025	78

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +0.03 điểm, đóng cửa tại 1376.94 điểm. Biên độ dao động 7.84 điểm. Các cổ phiếu như FPT, HPG, VIC, SSI, SHB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giảm xuống dưới tham chiếu rồi lại được kéo lên trong những phút cuối dùng cầu phiên. Kết phiên, chỉ số đóng cửa gần ngay mức tham chiếu. Thanh khoản tiếp tục nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509, VN30F2506. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509, VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTPB2405	6/30/2025	89	100	-81.33%	1.90	190	46.2%	3.09	2.66	14.25	14.25
CVRE2410	6/30/2025	89	642,400	-81.59%	2.19	380	46.2%	4.50	3.71	20.15	20.15
CFPT2504	5/26/2025	54	698,500	-84.92%	16.00	240	41.2%	10.61	18.40	122.00	122.00
CFPT2405	8/14/2025	134	18,700	-67.85%	13.41	2,600	31.3%	10.96	39.23	122.00	122.00
CMWG2401	5/21/2025	49	378,300	-82.18%	6.55	990	20.7%	13.18	10.48	58.80	58.80
CFPT2506	6/30/2025	89	10,900	-84.79%	16.40	270	17.4%	13.22	18.56	122.00	122.00
CSTB2502	9/26/2025	177	43,900	-71.85%	3.55	2,500	13.6%	11.93	11.05	39.25	39.25
CFPT2402	7/28/2025	117	17,800	-76.93%	13.41	3,710	12.4%	27.39	28.14	122.00	122.00
CVRE2405	4/28/2025	26	821,600	-82.73%	1.90	790	11.3%	9.13	3.48	20.15	20.15
CHPG2507	6/30/2025	89	30,200	-85.47%	2.96	500	11.1%	12.16	3.96	27.25	27.25
CHPG2502	9/26/2025	177	74,600	-77.69%	2.75	1,110	11.0%	8.19	6.08	27.25	27.25
CFPT2501	7/28/2025	117	55,900	-85.08%	16.00	220	10.0%	10.62	18.20	122.00	122.00
CVNM2407	11/4/2025	216	587,700	-83.44%	6.75	550	10.0%	9.06	10.02	60.50	60.50
CMBB2508	8/5/2025	125	113,200	-78.81%	2.30	1,430	9.2%	11.04	5.16	24.35	24.35
CHPG2503	5/26/2025	54	106,500	-83.41%	2.70	910	8.3%	12.28	4.52	27.25	27.25
CFPT2403	4/28/2025	26	840,900	-88.13%	13.41	270	8.0%	27.35	14.48	122.00	122.00
CVIB2406	7/28/2025	117	654,300	-78.65%	1.90	590	7.3%	4.52	4.26	19.95	19.95
CFPT2503	3/26/2026	358	130,500	-79.10%	18.00	750	7.1%	10.48	25.50	122.00	122.00
CVIC2407	6/30/2025	89	525,800	-69.12%	4.90	2,750	7.0%	11.11	18.65	60.40	60.40
CHPG2407	4/28/2025	26	395,400	-83.71%	2.60	460	7.0%	6.16	4.44	27.25	27.25

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 02/04/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CTPB2405 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 46.15%. CVIC2501 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 18.00%.
- CVHM2503, CVIC2501, CTCB2504, CVHM2408, CVIC2502 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVHM2504, CVIC2503, CVRE2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

 Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	122.00	1.24%	1.35
HPG	27.25	0.93%	0.84
VIC	60.40	1.17%	0.76
SSI	26.45	1.54%	0.53
SHB	12.55	0.80%	0.29

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
LPB	33.10	-0.90%	-0.79
STB	39.25	-1.13%	-0.79
MBB	24.35	-1.02%	-0.78
SSB	19.20	-1.79%	-0.64
ACB	25.95	-0.38%	-0.37

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	60.40	1.17%	0.64	3.82
VCB	64.80	0.47%	0.61	8.36
FPT	122.00	1.24%	0.53	1.47
HPG	27.25	0.93%	0.39	6.40
HVN	29.95	2.04%	0.32	2.21

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	227.10	9.98%	2.77	0.20
KSF	73.60	9.85%	1.33	0.30
DTK	13.90	2.21%	0.13	0.68
SCG	68.60	3.31%	0.12	0.09
IDC	53.90	0.56%	0.06	0.33

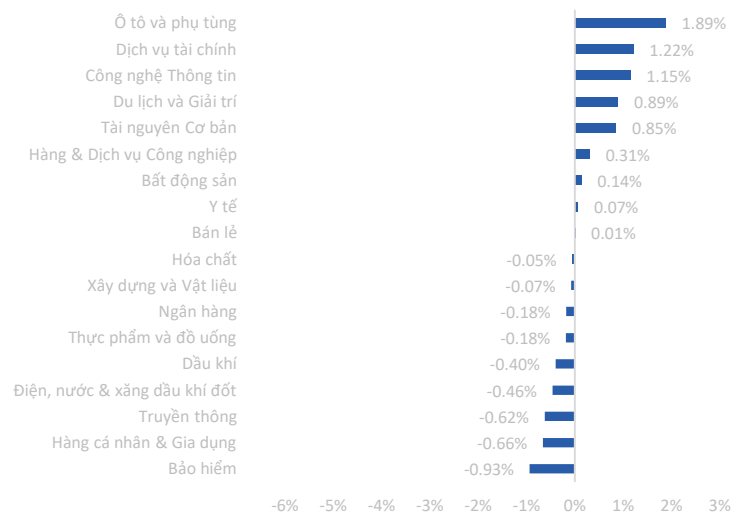
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTA	5.40	6.93%	0.00	0.07
FCM	4.32	6.93%	0.00	0.40
PMG	8.30	6.82%	0.01	0.00
TSC	3.14	6.80%	0.01	1.52
YBM	15.70	6.80%	0.00	0.07

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	227.10	9.98%	15.37	0.19
BKC	64.50	9.88%	0.25	0.16
KSF	73.60	9.85%	7.38	0.00
SGD	11.20	9.80%	0.02	0.00
CX8	9.00	9.76%	0.01	0.00

Hình 1 Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	38.70	-0.77%	-0.50	7.02
MBB	24.35	-1.02%	-0.36	6.10
SSB	19.20	-1.79%	-0.23	2.85
GAS	67.10	-0.59%	-0.22	2.34
LPB	33.10	-0.90%	-0.21	2.99

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	14.80	-1.33%	-0.11	0.89
NVB	11.70	-0.85%	-0.07	1.17
BAB	11.70	-0.85%	-0.06	0.96
PVS	31.00	-0.64%	-0.06	0.48
VCS	57.40	-1.03%	-0.06	0.16

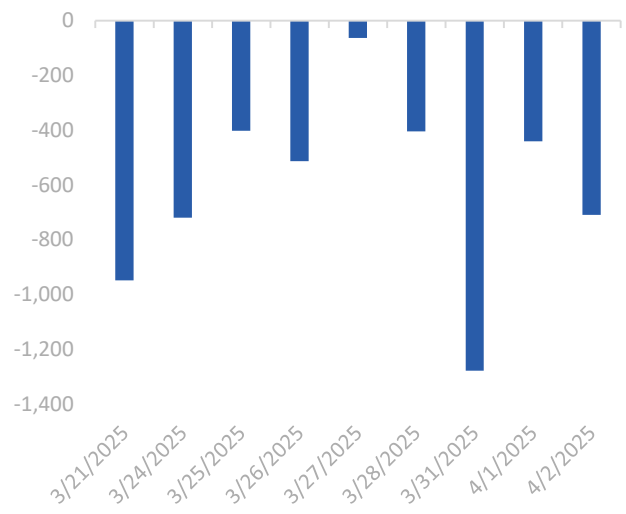
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HU1	6.39	-6.99%	0.00	0.00
AGM	2.60	-6.81%	0.00	0.45
DXV	3.81	-4.99%	0.00	0.13
TCR	3.10	-4.02%	0.00	0.00
VNL	19.10	-4.02%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BTW	44.70	-9.70%	-0.14	0.00
SDU	17.20	-9.47%	-0.11	0.00
NHC	23.50	-9.27%	-0.02	0.00
VMS	20.60	-9.25%	-0.06	0.00
DAD	17.80	-7.29%	-0.02	0.00

Hình 2 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	58.8	0.3%	1.5	85,643	525.0	2,544	23.0		45.8%	
KBC	Bất động sản	29.5	-3.4%	1.4	23,450	368.5	498	61.4		19.4%	
KDH	Bất động sản	32.0	-2.0%	1.2	32,963	116.1	863	37.8		35.9%	
PDR	Bất động sản	19.5	0.3%	2.0	16,983	64.2	643	30.2	23,600	8.2%	Link
VHM	Bất động sản	53.0	0.0%	1.1	217,693	1229.7	7,349	7.2	58,200	12.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	122.0	1.2%	1.0	177,264	477.1	5,371	22.4	163,000	42.5%	Link
BSR	Dầu khí	19.4	-0.5%	0.0	60,305	18.0	204	95.6		0.3%	
PVS	Dầu khí	31.0	-0.6%	1.1	14,913	44.3	2,238	13.9	40,300	17.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	30.8	-0.3%	1.3	22,247	217.8	1,571	19.7		43.1%	
SSI	Dịch vụ tài chính	26.5	1.5%	1.1	51,107	409.5	1,536	17.0		37.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	39.0	0.0%	1.4	28,006	379.3	1,537	25.4		29.8%	
DCM	Hóa chất	33.1	-0.2%	1.3	17,523	30.9	2,682	12.3	41,100	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	97.1	-1.1%	1.3	37,294	183.9	7,864	12.5	111,400	15.5%	Link
ACB	Ngân hàng	26.0	-0.4%	0.8	116,356	353.5	3,759	6.9		30.0%	
BID	Ngân hàng	38.7	-0.8%	0.8	273,833	117.8	3,639	10.7	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	42.0	0.2%	1.1	224,734	234.7	4,720	8.9		26.8%	
HDB	Ngân hàng	22.5	0.0%	1.0	78,464	911.5	3,667	6.1		17.2%	
MBB	Ngân hàng	24.4	-1.0%	1.1	150,116	259.1	3,729	6.6	26,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.1	-1.2%	1.1	31,720	77.2	2,123	5.8	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	39.3	-1.1%	1.0	74,843	322.3	5,351	7.4		21.9%	
TCB	Ngân hàng	27.9	-0.2%	1.2	197,463	485.7	3,054	9.2	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	14.3	-0.4%	1.0	37,780	174.9	2,298	6.2	-	25.8%	Link
VCB	Ngân hàng	64.8	0.5%	0.7	538,941	156.8	4,049	15.9		22.7%	
VIB	Ngân hàng	20.0	-0.3%	1.0	59,583	204.0	2,424	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	19.2	0.0%	1.1	151,935	224.7	1,989	9.6	25,500	24.8%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.3	0.9%	1.3	172,699	459.7	1,879	14.4	37,500	21.2%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.4	1.8%	1.8	10,929	100.7	935	18.8	22,700	7.4%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.3	-1.2%	1.4	9,923	165.0	2,712	10.9	31,000	2.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	66.0	-0.3%	1.3	95,219	241.4	1,345	49.2		25.2%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.5	-0.5%	0.7	127,069	285.0	4,494	13.5		49.9%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	38.3	1.59%	1.6	8,263	22.0	2,042	18.5	18.7%	15.9%	Link
FRT	Bán lẻ	151.0	-1.95%	0.6	20,981	156.2	2,331	66.1	32.8%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	52.1	-1.14%	0.6	39,120	29.6	2,843	18.5	26.6%	9.6%	
DIG	Bất động sản	19.9	-0.25%	1.8	12,136	290.4	188	106.0	2.5%	1.5%	
DXG	Bất động sản	16.0	0.63%	1.7	13,803	146.0	352	45.0	20.2%	2.6%	Link
HDC	Bất động sản	27.9	0.72%	1.4	4,940	161.3	384	72.1	3.3%	3.1%	
HDG	Bất động sản	26.2	-1.13%	1.2	8,913	65.8	1,036	25.6	19.5%	5.8%	
IDC	Bất động sản	53.9	0.56%	1.1	17,688	29.8	6,049	8.9	20.4%	37.7%	
NLG	Bất động sản	34.5	-0.72%	1.5	13,381	103.7	1,346	25.8	37.5%	5.4%	Link
SIP	Bất động sản	86.1	0.12%	0.0	18,106	32.6	5,584	15.4	6.0%	29.5%	
SZC	Bất động sản	41.8	0.84%	1.3	7,460	44.2	1,809	22.9	2.4%	12.5%	Link
TCH	Bất động sản	18.3	0.83%	1.5	12,128	131.7	1,466	12.4	8.8%	10.8%	Link
VIC	Bất động sản	60.4	1.17%	1.2	228,273	947.7	3,069	19.5	9.2%	9.5%	
VRE	Bất động sản	20.2	0.75%	1.3	45,446	466.0	1,802	11.1	19.3%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	38.5	-0.26%	1.1	8,146	12.8	1,478	26.1	36.1%	11.4%	
PLX	Dầu khí	40.2	-0.25%	0.9	51,205	14.1	2,275	17.7	17.4%	11.1%	Link
PVD	Dầu khí	22.1	-0.45%	1.2	12,341	46.8	1,255	17.7	8.4%	4.6%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	50.5	0.40%	1.7	15,388	162.9	1,869	26.9	29.8%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.1	0.00%	1.6	17,241	76.3	1,583	19.0	6.9%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.1	-0.59%	0.5	158,130	19.8	4,439	15.2	1.7%	16.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.8	-1.16%	1.0	30,327	89.2	535	24.2	3.6%	3.5%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.0	-0.70%	1.1	33,677	32.5	4,237	16.9	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	95.0	-0.21%	0.5	51,561	48.9	2,632	36.2	12.8%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	25.7	5.12%	1.9	20,970	806.4	1,910	12.8	8.0%	12.4%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.3	-2.26%	0.8	24,203	130.6	4,613	12.5	41.3%	13.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	53.4	0.95%	1.1	6,871	150.0	4,413	12.0	11.6%	21.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24.8	-0.20%	0.9	8,829	26.3	3,071	8.1	11.7%	15.1%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	134.4	-1.83%	0.0	16,672	33.2	3,146	43.5	6.6%	24.1%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	82.5	-1.08%	0.7	28,181	60.7	6,300	13.2	47.6%	20.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	37.0	0.00%	0.6	3,769	85.9	2,710	13.7	49.8%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	22.1	0.45%	1.1	2,697	13.1	2,568	8.6	16.9%	17.4%	
DPM	Hóa chất	35.3	0.43%	1.3	13,755	46.7	1,400	25.1	8.5%	4.9%	Link
GVR	Hóa chất	31.9	0.16%	1.6	127,400	61.8	1,053	30.2	0.8%	7.8%	
EIB	Ngân hàng	19.8	1.28%	0.8	36,416	546.2	1,786	11.0	3.7%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	33.1	-0.90%	0.5	99,775	61.6	3,254	10.3	0.8%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	17.2	0.00%	0.0	23,539	27.0	2,702	6.4	1.8%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	11.3	0.00%	1.1	27,863	53.6	1,287	8.8	19.6%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.2	0.33%	1.8	6,781	155.0	1,379	11.0	5.7%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.5	0.00%	1.5	4,393	8.0	180	91.9	0.5%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.0	0.31%	0.5	9,698	153.4	1,546	20.6	4.0%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.3	-0.10%	1.0	63,294	32.2	3,376	14.6	59.5%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	62.8	0.00%	1.1	14,096	40.2	5,496	11.4	24.5%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	121.4	-0.90%	1.0	10,028	13.2	12,103	10.1	82.3%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	85.8	0.35%	1.2	8,544	60.7	3,734	22.9	49.0%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	98.6	-0.20%	1.1	11,301	39.6	4,705	21.0	7.6%	27.9%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	53.2	2.31%	1.8	3,276	35.5	3,553	14.6	7.1%	11.9%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.3	0.00%	1.5	5,295	47.1	987	12.4	6.8%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.7	0.22%	1.3	8,083	14.1	1,307	17.3	15.5%	8.8%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.7	-0.69%	1.3	13,049	178.1	1,548	14.1	6.2%	12.0%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	48.9	-0.71%	1.3	22,081	20.7	2,464	20.0	5.8%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_ Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chínhTầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879**Trung tâm Phân tích nghiên cứu**hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108**Đối với Khách hàng tổ chức**hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659**Đối với Khách hàng cá nhân**i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660Website: <http://www.bsc.com.vn>